

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 62/QH14 ngày 17/6 /2020; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ các Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3096/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 và số 3082/QĐ-BNN-KH ngày 15/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại Tờ trình số 438/TTr-KHLN-KH ngày 22/8/2022 và Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng Tờ trình số 196/TTr-STMTR ngày 03/11/2022 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng” Thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2120/BC-TCLN-KHTC ngày 15/12/2022) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần (DATP) “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Cấp công trình: Cấp III;

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Đơn vị được giao chuẩn bị dự án: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng): Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng.

6. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng phát triển nông thôn, Công ty TNHH GCF Việt Nam, Công ty cổ phần Quang Minh Phát Gia Lai.

Chủ nhiệm dự án: Kiến trúc sư Nguyễn Tiến Đạt.

7. Mục tiêu đầu tư: Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững 306,3 ha rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà do Viện Nghiên cứu sinh thái và Môi trường rừng được giao quản lý, nâng cao độ che phủ của rừng, cải thiện môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, lưu giữ nguồn nước và hạn chế xói mòn rửa trôi.

8. Địa điểm đầu tư: huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

9. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

a) Quy mô, nội dung đầu tư:

- Trồng bổ sung 20ha rừng các loại cây gỗ lớn, bản địa;
- Cải tạo, nâng cấp 9,1 km đường phục vụ quản lý, bảo vệ rừng;
- Cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất khu văn phòng Trung tâm;
- Xây dựng vườn ươm, nhà ươm giống cây lâm nghiệp, hệ thống cấp nước
- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

b) Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

* Trồng bổ sung 20ha rừng các loại cây gỗ lớn, bản địa:

- Trồng bổ sung 20ha rừng các loài cây gỗ lớn, bản địa tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình thuộc diện tích đất của Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng quản lý.

- Trồng các loài cây: Giổi xanh, Trám đen, Lim xanh, Re Hương, Chò chỉ.

* Cải tạo, nâng cấp 9,1 km đường phục vụ quản lý, bảo vệ rừng:

Cải tạo, nâng cấp (tuyến 1 từ đường quốc lộ 6 vào văn phòng Trung tâm) chiều dài tuyến $L=5.074\text{m}$.

- Phương án tuyến: Cơ bản bám theo đường cũ, có điều chỉnh nâng cao độ đường do một số đoạn để giảm khối lượng đào nền; đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Cấp hạng tuyến đường: Cấp VI miền núi.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h .

+ Nền đường: $B_{\text{nền}}=6,0\text{m}$; đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt $K\geq 0,95$; lớp đất dày 50cm dưới đáy áo đường $K\geq 0,98$.

+ Mặt đường: $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm , móng cấp phối đá dăm.

+ Lê đường: $B_{\text{lê}}=2\times 1,25\text{m}$, lê không gia cố, độ dốc $I_{\text{lê}}=4\%$, độ đầm chặt $K\geq 0,95$.

+ Rãnh dọc: tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

+ Lắp đặt các biển báo an toàn giao thông tại các vị trí đường giao, đường cong.

- Công trình thoát nước: bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế $P=10\%$.

Cải tạo, nâng cấp tuyến 2 (từ Trung tâm vào vườn thực vật, dài $L=4.000\text{m}$)

- Phương án tuyến: Cơ bản bám theo đường cũ, có điều chỉnh nâng cao độ đường do một số đoạn để giảm khối lượng đào nền; đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp B.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h .

+ Nền đường: $B_{\text{nền}}=5,0\text{m}$; đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt $K\geq 0,95$, lớp đất dày 50cm dưới đáy áo đường $K\geq 0,98$.

+ Mặt đường: $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm , móng cấp phối đá dăm.

+ Lê đường: $B_{\text{lê}}=2\times 1,25\text{m}$, lê không gia cố, độ dốc $I_{\text{lê}}=4\%$, độ đầm chặt $K\geq 0,95$.

+ Rãnh dọc: tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

+ Lắp đặt các biển báo an toàn giao thông tại các vị trí đường giao, đường cong.

- Công trình thoát nước: bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế P=10%.

* Cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất khu văn phòng Trung tâm:

- Sửa chữa nhà 02 tầng, diện tích S= 290m², diện tích 1 tầng 145m²).

+ Xử lý chống thấm mái sê nô;

+ Cạo bỏ lớp sơn bị rêu mốc, bong tróc bên ngoài nhà, trát lại những vị trí tường, trần bị bong tróc. Sơn nước hoàn thiện trong, ngoài nhà.

+ Đục bỏ lớp gạch cũ, ốp lại tường khu nhà vệ sinh.

+ Đục bỏ nền gạch cũ, lát lại nền bằng gạch ceramic; bậc tam cấp bằng đá granit tự nhiên.

+ Thay mới hệ thống ống cấp nước bằng ống nhựa PP-R. Lắp đặt van khóa và phụ kiện đường ống.

+ Thay mới các thiết bị nhà vệ sinh

* Xây dựng vườn ươm, nhà ươm giống cây lâm nghiệp, hệ thống cấp nước:

- Xây dựng 02 nhà ươm giống, tổng diện tích 415m² (1 nhà diện tích 325m², 01 nhà diện tích 90m²).

+ Kiến trúc: nhà khung thép hộp cao 3,2m, phần dưới là tường gạch xây cao 1m để hở lấy thoáng không khí tự nhiên, có 1 hệ thống tời căng kéo lưới che nắng.

+ Kết cấu: móng kết cấu BTCT; tường xây gạch BTKN vữa XM. Khung cột bằng thép hộp; nền nhà đổ bê tông xi măng. Mái lắp đặt hệ thống căng lưới chống nắng có thể đóng mở được.

+ Cấp nước trong nhà: Lắp đặt hệ thống tưới phun bằng máy bơm và hệ thống đường ống, píp phun.

+ Cấp nước ngoài nhà: Xây dựng bể chứa nước 30m³ đặt chìm dưới đất: đáy đầm, nắp bể bằng bê tông cốt thép. Thành bể xây gạch BTKN, trát láng chống thấm đáy, thành bể vữa XM.

- Nhà để máy bơm:

+ Kiến trúc: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng S=12,96m².

+ Kết cấu: Móng đơn bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch BTKN vữa XM; sàn mái bê tông cốt thép trên lợp tôn múi.

+ Hoàn thiện: Nền lát gạch Ceramic, trát tường trong, ngoài nhà, trần VXM sơn hoàn thiện 3 nước. Cửa đi bằng khung sắt bịt tôn.

+ Cấp điện trong nhà: Lắp đặt hệ thống điện âm tường, lắp đặt các thiết bị điện và các phụ kiện kèm theo.

d) Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:

- Tàu chở người và chở vật tư, thiết bị: 01 chiếc

- Hệ thống máy bơm cấp nước: 01 hệ thống.

(Chi tiết thiết bị tại Phụ lục II đính kèm)

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế: 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, QCVN 01: 2008/BCT về an toàn điện;

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 2737: 1995 Tải trọng và tác động, TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền, TCVN 9362:2012 Nền nhà và công trình, TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép, TCVN 5575:2012 Kết cấu thép; TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu.

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư của dự án là: 29.300.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, ba trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	17.982.825.000	đồng
- Chi phí trồng rừng:	3.005.448.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	1.750.000.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	670.644.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	1.675.537.000	đồng
- Chi phí khác:	353.775.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	3.861.771.000	đồng

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

14. Tiến độ thực hiện dự án: 3 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

a) Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đơn vị được giao chuẩn bị dự án):

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ toàn dự án:

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ, trình quyết toán các chi phí chuẩn bị dự án theo quy định;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Chủ đầu tư DATP có liên quan;

- Hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến thẩm định tại báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định.

b) Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng (Chủ đầu tư DATP từ giai đoạn thực hiện đến kết thúc dự án):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư DATP theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện DATP theo nội dung Quyết định phê duyệt dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Tổng cục Lâm nghiệp) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế trồng rừng trình Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý các ý kiến thẩm định nêu trong báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt các thiết bị phục quản lý, bảo vệ rừng theo quy định;

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định (nếu cần);

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện DATP và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt;

d) Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán hoàn thành DATP;

e) Tổng cục Lâm nghiệp: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án và DATP; thẩm định, trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp;

g) Cục Quản lý xây dựng công trình: phối hợp trong quá trình thực hiện dự án khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng và Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Quốc Trị;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án thành phần: “Trồng, bảo vệ phát triển rừng tại Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	29.300.000.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	17.982.825.000
1	Cải tạo, nâng cấp đường phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	16.986.746.000
-	Đường từ QL 6 vào trung tâm (tuyến 1)	10.755.103.000
-	Đường vào vườn thực vật (tuyến 2)	6.231.643.000
2	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất khu văn phòng Trung tâm	439.498.000
3	Xây dựng vườn ươm, nhà ươm giống cây lâm nghiệp, hệ thống cấp nước	556.581.000
II	CHI PHÍ TRỒNG RỪNG	3.005.448.000
	Trồng bổ sung 20ha rừng các loài cây gỗ lớn	3.005.447.679
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	1.750.000.000
1	Tàu chở người và chở vật tư, thiết bị	1.650.000.000
2	Hệ thống trạm bơm cung cấp nước tưới vườn ươm	100.000.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	670.644.000
1	QLDA giai đoạn chuẩn bị dự án	12.099.000
2	QLDA giai đoạn thực hiện đầu tư	658.545.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.675.537.000
	Giai đoạn chuẩn bị dự án	396.368.000
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập BCNCKT	232.415.000
2	Chi phí giám sát khảo sát bước lập BCNCKT	9.297.455
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	143.147.000
4	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	2.407.000
5	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	9.102.000
	Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng	1.279.169.000
1	Chi phí lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn QLDA và TKBVTC	10.821.412
2	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế BVTC	213.019.478
3	Chi phí giám sát khảo sát bước TKBVTC	8.674.153
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình	454.588.999
-	Thiết kế BVTC các hạng mục công trình QLBNR	412.868.999
-	Thiết kế hạng mục trồng rừng	41.720.000
5	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	49.777.638

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
6	Chi phí lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị	6.422.500
7	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu	11.191.413
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn QLDA và TKBVTC</i>	<i>1.100.000</i>
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng</i>	<i>8.991.413</i>
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị</i>	<i>1.100.000</i>
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	432.262.247
9	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	14.770.000
10	Thẩm tra TKBVTC	35.911.824
11	Thẩm tra Dự toán	32.979.459
12	Thẩm định giá thiết bị	8.750.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	353.775.000
1	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	3.061.184
2	Chi phí Kiểm toán	145.057.792
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	90.387.170
4	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	17.586.377
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	17.089.640
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	78.593.136
7	Chi phí đăng ký, đăng kiểm tàu chở người, chở vật tư	2.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	3.861.771.000

Phụ lục II
CHI TIẾT DANH MỤC THIẾT BỊ
Dự án thành phần: “Trồng, bảo vệ phát triển rừng tại Viện Nghiên cứu
Sinh thái và Môi trường rừng”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Tàu chở người và chở vật tư, thiết bị	Chiếc	1
2	Hệ thống máy bơm cấp nước	Hệ thống	1